



**МИНИСТЕРСТВО НАУКИ И ВЫСШЕГО ОБРАЗОВАНИЯ  
РОССИЙСКОЙ ФЕДЕРАЦИИ**  
(МИНОБРНАУКИ РОССИИ)

---

Тверская ул., д.11, стр. 1, 4, Москва, 125009, телефон: (495) 547-13-16,  
e-mail: [info@minobrnauki.gov.ru](mailto:info@minobrnauki.gov.ru), <http://www.minobrnauki.gov.ru>

---

19.05.2023 № МН-12/1248

На № \_\_\_\_\_ от \_\_\_\_\_

Руководителям образовательных  
организаций высшего образования

О предоставлении стипендий

Министерство науки и высшего образования Российской Федерации информирует, что в соответствии с Соглашением между Правительством Российской Федерации и Правительством Социалистической Республики Вьетнам о стратегическом партнерстве в области образования, науки и технологий от 25 ноября 2014 года Правительство Социалистической Республики Вьетнам предоставляет квоты гражданам Российской Федерации для обучения, прохождения программ языковой стажировки и повышения профессиональной квалификации в образовательных организациях высшего образования в следующем количестве:

- 30 мест по программам бакалавриата, магистратуры, аспирантуры, докторантуры;
- 30 мест по программе языковой стажировки сроком на 10 месяцев;
- 15 мест по программе повышения профессиональной квалификации сроком на 10 месяцев для научно-педагогических работников.

Программа покрывает расходы на обучение, проживание в общежитии. Участники получают ежемесячную стипендию в течение всего курса. Обучение реализуется на вьетнамском языке.

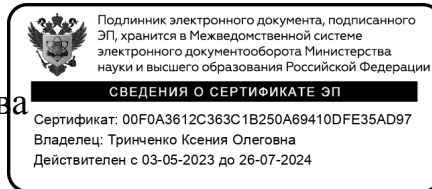
Сбор документов на участие в конкурсе на получение стипендии осуществляет федеральное государственное бюджетное учреждение «Центр развития образования и международной деятельности («Интеробразование»)» (далее – ФГБУ «Интеробразование»).

Перечень необходимых документов, а также порядок их предоставления прилагается. Дополнительная информация представлена на сайте ФГБУ «Интеробразование» в разделе «Академическая мобильность».

Комплекты документов в электронном виде принимаются в срок 15 июня 2023 года по адресу электронной почты: [mobility@ined.ru](mailto:mobility@ined.ru). Контактное лицо по вопросам подачи документов в ФГБУ «Интеробразование»: Бильдина Алла Евгеньевна, телефон: 8 (499) 246-44-35.

Приложение: на 4 л. в 1 экз.

Директор Департамента  
международного сотрудничества



К.О. Тринченко

## Danh mục hồ sơ/Document Checklist

Mỗi ứng viên cần nộp 01 bộ gồm các tài liệu (in trên giấy khổ A4) liệt kê dưới đây. Các văn bản giấy tờ ghi bằng ngôn ngữ khác với tiếng Anh hoặc tiếng Việt thì phải đính kèm bản dịch có công chứng sang tiếng Anh hoặc tiếng Việt. Hồ sơ đăng ký không trả lại trong bất kỳ trường hợp nào.

*Each applicant should submit 01 set of documents (printed on A4-size paper) listed hereunder. Documents in languages other than English or Vietnamese must be attached with duly notarized translation into English or Vietnamese. The submitted documents will not in any case be returned to the applicants.*

- 1. Phiếu đăng ký đã điền đầy đủ thông tin/Completed application form.
- 2. Bản sao, bản dịch có xác nhận hoặc chứng thực văn bằng, kết quả học tập theo quy định đối với từng cấp học, trình độ đào tạo của cơ quan có thẩm quyền của nước gửi đào tạo.  
Copies and translation of degrees, diplomas and academic transcripts applicable for relevant levels of proposed study, duly notarized or certified by competent authorities of the sending country.
- 3. Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước gửi đào tạo hoặc cơ sở y tế cấp tỉnh, thành phố hoặc Trung ương của Việt Nam chứng nhận đủ sức khỏe để học tập được cấp không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.  
Medical examination certificate issued within 6 months from the date of application by competent health authorities of the sending country or by Vietnamese central, municipal or provincial medical bodies, clearly stating that the applicant is healthy and fit for overseas study.
- 4. Bản sao hợp lệ chứng chỉ trình độ tiếng Việt do cơ sở giáo dục có thẩm quyền cấp hoặc chứng chỉ quốc tế về ngôn ngữ sẽ sử dụng để học tập tại Việt Nam (nếu có).  
Duly certified copies of Vietnamese Proficiency Certificates issued by competent educational institutions or internationally recognized certificate of the foreign language to be used for study in Vietnam (if any).
- 5. Đề cương nghiên cứu (đối với nghiên cứu sinh) hoặc kế hoạch thực tập (đối với thực tập sinh).  
Research proposal (for PhD applicants) or Plan of practical training (for Internship applicants).
- 6. Thư giới thiệu của 02 nhà khoa học cùng lĩnh vực nghiên cứu có trình độ tiến sĩ (đối với nghiên cứu sinh).  
Letters of Recommendation provided by 02 researchers or academics who hold doctorate degrees and have similar fields of research (applicable to PhD applicants).
- 7. Bản sao hợp lệ các tài liệu, chứng chỉ về năng khiếu, chuyên môn, thành tích nghiên cứu, (nếu có).  
Duly certified copies of documents and certificates about the applicant's aptitude, expertise, research achievements, ... (if any).
- 8. Bản sao hộ chiếu có thời hạn sử dụng cho toàn bộ thời gian học tập tại Việt Nam hoặc ít nhất 01 năm kể từ ngày dự kiến đến Việt Nam.  
Copy of passport with a validity of the expected duration of study in Vietnam or at least 1 year from the expected arrival in Vietnam.



Dán ảnh cỡ  
4x6

Attach your  
photo size 4x6

**PHIẾU ĐĂNG KÝ  
DÀNH CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI HỌC TẬP TẠI VIỆT NAM  
APPLICATION FORM  
FOR INTERNATIONAL APPLICANTS TO STUDY IN VIETNAM**

*Hãy điền đầy đủ thông tin vào chỗ trống hoặc đánh dấu (✓) vào các ô tương ứng. Viết họ tên bằng chữ in hoa. Please fill in the blanks or tick (✓) appropriate boxes. Write your full name in **BLOCK** letters.*

1	Họ/Family name .....	Tên đệm/Middle name .....	Tên/First name .....
2	Ngày sinh/Date of birth:	Ngày/Day. . . . tháng/month . . . . năm/year. . . . .	
3	Giới tính/Gender:	<input type="checkbox"/> Nam/Male	<input type="checkbox"/> Nữ/Female
4	Nơi sinh/Place of birth:	Thành phố/City. . . . . Nước/Country. . . . .	
5	Quốc tịch/Nationality:	.....	
6	Nghề nghiệp/Occupation:	.....	
7	Tôn giáo/Religion:	.....	
8	Hộ chiếu/Passport:	Số/Number .....	Nơi cấp/Place of issue .....
		Ngày cấp/Date of issue .....	Ngày hết hạn/Expiry date .....
9	Tình trạng hôn nhân/ Marital status:	<input type="checkbox"/> Độc thân/Single <input type="checkbox"/> Đã kết hôn/Married <input type="checkbox"/> Ly dị/Divorced	
10	Tiếng mẹ đẻ/Native language:	.....	
11	Địa chỉ liên hệ trong nước/ Home country contact address:	..... .....	
12	Điện thoại trong nước & Địa chỉ Email/Home phone number in your home country & <b>Email address</b>	.....	
13	Người liên hệ khi cần báo tin ở trong nước/Contact person in your home country in case of emergency:		
	Họ tên/Full name .....	Quan hệ/Relationship .....	
	Địa chỉ nơi ở/Residential address ..... .....	Nơi làm việc/Place of work ..... .....	
	Điện thoại/Phone number .....	Email .....	



14	Quá trình học tập/Educational background:			
	Năm học Academic year	Cơ sở đào tạo Institution	Ngành học Field of Study	Văn bằng, chứng chỉ Qualifications
	.....	.....	.....	.....
	.....	.....	.....	.....
	.....	.....	.....	.....
15	Quá trình công tác/Employment record:			
	15.1 Cơ quan công tác/Employer:		.....	
	Thời gian công tác/Time of employment:		Từ/From: tháng/month. .... năm/year. .... Đến/To: tháng/month. .... năm/year. ....	
	Vị trí công tác/Job Title:		.....	
	Mô tả công việc/Job Description:		.....	
	15.2 Cơ quan công tác/Employer:		.....	
	Thời gian công tác/Time of employment:		Từ/From: tháng/month. .... năm/year. .... Đến/To: tháng/month. .... năm/year. ....	
	Vị trí công tác/Job Title:		.....	
	Mô tả công việc/Job Description:		.....	
16	Tự đánh giá trình độ tiếng Việt/Self assessed Vietnamese language proficiency:			
	<input type="checkbox"/> Không biết tiếng Việt/Zero Vietnamese proficiency <input type="checkbox"/> Biết tiếng Việt /Some Vietnamese Proficiency Chọn trình độ tương ứng ở cột bên cạnh/Tick appropriate box in the next column:		<input type="checkbox"/> Sơ cấp/Elementary <input type="checkbox"/> Trung cấp/Intermediate <input type="checkbox"/> Cao cấp/Advanced	
	Nếu bạn đã học ở Việt Nam bằng tiếng Việt, hãy điền các thông tin dưới đây/If you have studied in Vietnam in Vietnamese, complete all following required information:			
	Tên các trường đã học/Names of institutions attended:		.....	
	Tổng thời gian đã học/Total length of study:		..... giờ/hours ..... tháng/months . . . . năm/years	
Giấy chứng nhận trình độ tiếng Việt/Certificate of Vietnamese language proficiency:		<input type="checkbox"/> Không/No <input type="checkbox"/> Có/Yes      Trình độ/Level: .....		
Loại văn bằng tốt nghiệp đã được cấp/Types of qualifications awarded:		<input type="checkbox"/> THPT/High school <input type="checkbox"/> Cao đẳng/College <input type="checkbox"/> Đại học/Bachelor <input type="checkbox"/> Thạc sĩ/Master <input type="checkbox"/> Tiến sĩ/Doctor		
17	Trình độ tiếng Anh/English Language Proficiency:			
	<input type="checkbox"/> Không biết tiếng Anh/Zero English proficiency <input type="checkbox"/> Biết tiếng Anh/Some English Proficiency Chọn trình độ tương ứng ở cột bên cạnh/Tick appropriate box in the next column:		<input type="checkbox"/> Sơ cấp/Elementary <input type="checkbox"/> Trung cấp/Intermediate <input type="checkbox"/> Cao cấp/Advanced	
18	Ngoại ngữ khác/Other foreign languages:			
	.....			Trình độ/Level: .....
	.....			Trình độ/Level: .....



19	Khóa học đăng ký/Proposed Study Program:		
	<input type="checkbox"/> Tiểu học/Primary School <input type="checkbox"/> Trung học cơ sở/Lower Secondary School <input type="checkbox"/> Trung học phổ thông/Upper Secondary School		
	<input type="checkbox"/> Trung cấp chuyên nghiệp/Secondary Professional and Technical School <input type="checkbox"/> Cao đẳng/Associate <input type="checkbox"/> Đại học/Bachelor <input type="checkbox"/> Thạc sĩ/Master <input type="checkbox"/> Tiến sĩ/PhD <input type="checkbox"/> Thực tập sinh/Research Fellowship <input type="checkbox"/> Khóa học ngắn hạn/Short-term training course		
	20	Ngành học, lĩnh vực nghiên cứu đăng ký/Proposed field of study/research: .....	
	21	Thời gian học đăng ký/Proposed period of study: Từ/From: ..... ngày/day ..... tháng/month ..... năm/year. Đến/To: ..... ngày/day ..... tháng/month ..... năm/year.	
	22	Cơ sở giáo dục đăng ký/Proposed educational institution for study/research: .....	
23	Ngôn ngữ đăng ký sử dụng cho khóa học/Proposed language medium for study:		
	<input type="checkbox"/> Tiếng Việt/Vietnamese <input type="checkbox"/> Tiếng Anh/English <input type="checkbox"/> Ngôn ngữ khác/Other language: .....		
24	Thành viên trong gia đình đang ở Việt Nam (nếu có)/Your family members living in Vietnam (if any):		
	Họ tên/Full name	Quan hệ/Relationship	Địa chỉ/Address
	1. ....	.....	.....
	2. ....	.....	.....
25	Chi phí trong thời gian học tập tại Việt Nam/Source of funding for your study in Vietnam:		
	<input type="checkbox"/> Học bổng Chính phủ Việt Nam/Vietnamese Government Scholarship		
	<input type="checkbox"/> Học bổng khác/Other Scholarship		
	<input type="checkbox"/> Tự túc kinh phí/Self-funding		
26	<p><b>Tôi, người ký tên dưới đây, xin cam đoan</b> tất cả thông tin tôi ghi trong Phiếu đăng ký này là hoàn toàn trung thực và chính xác. Tôi xin cam kết tuân thủ Pháp luật của Việt Nam, Quy chế quản lý lưu học sinh nước ngoài học tập tại Việt Nam và nội quy, quy định của cơ sở đào tạo, cơ sở nội trú trong suốt thời gian lưu học tại Việt Nam.</p>		
	<p><b>I, the undersigned, hereby acknowledge</b> that all the information on this Application Form is true and correct to the best of my knowledge. I hereby undertake to comply strictly with all the laws and the regulations of the Vietnamese Government, all regulations applicable to international students studying in Vietnam, all regulations of the educational institutions and accommodation providers throughout my stay in Vietnam.</p>		
Ngày/Day ..... tháng/month ..... năm/year .....			
<b>Ký tên/Applicant's signature:</b> .....			

**Порядок подачи документов в рамках отбора на участие в стипендиальной  
программе Правительства Социалистической Республики Вьетнам  
на 2023-2024 учебный год**

Кандидат (или образовательная организация высшего образования, направляющая кандидата) **не позднее 15 июня 2023 года** должен предоставить **2 комплекта документов** (для российской и вьетнамской стороны) в **отсканированном виде** на адрес электронной почты: [mobility@ined.ru](mailto:mobility@ined.ru).

Каждый документ должен представлять собой отдельный PDF-файл. Наименования файлов должны содержать их порядковую нумерацию в соответствии со списками комплектов документов для двух сторон (см.ниже). Файлы размещаются в две папки. Папка для российской стороны называется «Для российской стороны», папка для вьетнамской стороны называется в соответствии с фамилией и именем кандидата на английском языке по образцу «IVANOV IVAN». Две папки архивируются в одну корневую папку, название которой – фамилия и инициалы кандидата по образцу «Иванов И.И.». При отправке документов в теме письма необходимо указать: «Обучение во Вьетнаме 2023-2024».

***Обращаем внимание, что при несоблюдении указанных требований документы  
к рассмотрению не принимаются***

**Комплект документов для российской стороны  
(предоставляется на русском языке)**

1. \*Письмо-представление от образовательной организации высшего образования, направляющей кандидата, подписанное ректором или уполномоченным проректором;
2. \*Анкета кандидата (биографическая справка) с указанием: ФИО (полностью), даты рождения, места рождения, данных российского внутреннего паспорта, адреса регистрации, адреса фактического проживания, контактного телефона, адреса электронной почты, сведений о контактном лице, с фотографией 3x4 см;
3. \*Академическая справка (выписка из зачетной книжки);
4. \*Сертификат / справка об уровне владения вьетнамским языком;
5. Скан-копия загранпаспорта;
6. Согласие на обработку персональных данных (форма представлена в разделе «Общая информация» (академическая мобильность, ФГБУ «Интеробразование») по ссылке: <https://mobility.ined.ru/academicmobility/general>

*Пункты с маркировкой «\*» должны быть заверены печатью образовательной организации высшего образования, направляющей кандидата*

**Комплект документов для вьетнамской стороны**  
(предоставляется на английском или вьетнамском языке)

1. Анкета (Application form);
2. Нотариально заверенный перевод аттестата / диплома с приложением соответственно каждому уровню предполагаемого образования, а также нотариально заверенный перевод академической справки (выписки из зачетной книжки) (академическая справка на английском языке может быть заверена уполномоченным сотрудником российской образовательной организации высшего образования);
3. Нотариально заверенный перевод медицинской справки, выданной компетентным медицинским учреждением (медицинское освидетельствование должно быть проведено не более шести месяцев назад на момент подачи заявления), содержащей информацию о состоянии здоровья кандидата, подтверждающей отсутствие у кандидата инфекционных заболеваний;
4. Копия действительного сертификата (справки) о владении вьетнамским языком, выданного компетентной организацией (в том числе образовательной);
5. План научной работы (для кандидатов по PhD-программам) или план практической подготовки (для кандидатов по программе стажировки);
6. Два рекомендательных письма от двух научно-педагогических работников, имеющих докторскую степень в той же области наук, к которой относится научная работа кандидата (для кандидатов по PhD-программам);
7. Копии действительных документов / сертификатов, подтверждающих наличие особых навыков / научных достижений кандидата (при наличии);
8. Копия загранпаспорта, срок действия которого покрывает весь период обучения во Вьетнаме, или действительного как минимум в течение еще одного года с момента въезда во Вьетнам.

***Обучение по всем программам ведется на вьетнамском языке.***

**Письмо-представление**

Письмо-представление является обязательным требованием для кандидатов при формировании комплекта документов для российской стороны. Письмо-представление составляется российской образовательной организацией высшего образования, направляющей кандидата, на имя директора Департамента международного сотрудничества Минобрнауки России – Тринченко Ксении Олеговны. Письмо-представление составляется на официальном бланке организации и заверяется подписью ректора или уполномоченного проректора.

Письмо-представление должно содержать следующую информацию:

1. Статус кандидата в российской образовательной организации высшего образования: уровень высшего образования, направление подготовки



- (специальность), форма обучения, курс обучения; должность, ученая степень, ученое звание (при наличии);
2. Страна, в которую направляется кандидат (в данном случае – Социалистическая Республика Вьетнам), образовательная организация, факультет, направление подготовки, образовательная программа, язык обучения (в данном случае – вьетнамский), период обучения;
  3. Причины, по которым российская образовательная организация высшего образования рекомендует кандидата на обучение во вьетнамском университете, его заслуги.